

Số: 3359/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc” để tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện trong kế hoạch năm 2016 (đợt 4)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ KH&CN về việc Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-BKH&CN ngày 28/6/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2013-2018 “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc”;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-KHCN ngày 20/8/2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2013-2018 “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc”;

Căn cứ Công văn số 4028/BKH&CN-XHTN ngày 27/9/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Tây Bắc triển khai năm 2016 (đợt 2, 3);

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Chương trình Tây Bắc và Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc” để tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện trong kế hoạch đợt 4 năm 2016 (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao cho Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Chủ nhiệm Chương trình Tây Bắc và Chánh Văn phòng Chương trình Tây Bắc phối hợp với các đơn vị

có liên quan thực hiện quy trình tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo qui định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Chủ nhiệm Chương trình Tây Bắc, Chánh Văn phòng Chương trình Tây Bắc và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- VPCT Tây Bắc;
- Lưu: VT, KHCN, Q09.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Đức

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TÂY BẮC ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TUYỂN CHỌN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2016 (ĐỢT 4)

(Kèm theo Quyết định số 3359/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Đại học Quốc gia Hà Nội)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức, Thời gian thực hiện	Cơ quan đặt hàng
1.	<p>Dự án sản thử nghiệm: Thử nghiệm sản xuất trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.</p> <p>2. Hoàn thiện được thiết kế và chế tạo dây chuyền thiết bị sản xuất trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây.</p> <p>3. Tạo được mô hình thực nghiệm vùng trồng Táo mèo và Chùm ngây.</p> <p>góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho vùng Tây Bắc.</p>	<p>1. Hoàn thiện được công nghệ chế biến trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.</p> <p>2. Hoàn thiện được thiết kế và chế tạo dây chuyền thiết bị sản xuất trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây.</p> <p>3. Tạo được mô hình thực nghiệm vùng trồng Táo mèo và Chùm ngây.</p>	<p>1. Quy trình công nghệ: - Quy trình công nghệ chế biến trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. - Quy trình công nghệ sấy nguyên liệu bằng hồng ngoại để đưa vào chế biến trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây.</p> <p>2. 01 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật dây chuyền thiết bị chế biến trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây bằng công nghệ sấy bằng hồng ngoại.</p> <p>3. 01 dây chuyền thiết bị chế biến trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, bao gồm: 3.1. 01 hệ thống thiết bị sơ chế nguyên liệu: - Máy rửa, năng suất rửa được liệu: 300-500 kg/h. - Máy băm thái, năng suất: 50-400 kg/h. - Máy thái lát, năng suất: 200-500 kg/h.</p> <p>3.2. 01 hệ thống thiết bị cô chiết: - Thiết bị chiết xuất, cô đặc chân không; dung tích: 3 m³; áp suất làm việc: <0,25 MPa; năng suất bay hơi: 1000 kg/h. - Dàn cô kép áp suất thấp, nhiệt độ cô: 50-70⁰C; áp suất chân không: 0,05-0,08 MPa; năng suất bay hơi: 1000 kg/h. - Giàn cô đặc chân không, áp suất chân không: 0,06-0,08 MPa, năng suất bay hơi 145 kg/h.</p> <p>3.3. 01 máy trộn nguyên liệu, dung tích hiệu dụng: 200 lít; năng</p>	<p>Tuyển chọn</p> <p>Thời gian thực hiện không quá 24 tháng</p>	<p>UBND tỉnh Yên Bái</p>



(Handwritten signature)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức, Thời gian thực hiện	Cơ quan đặt hàng
			<p>suất: 600 kg/h.</p> <p>3.4. 01 máy tạo sợi: loại sợi Φ 1.2-3 mm; năng suất 140-400 kg/h.</p> <p>3.5. 03 máy sấy hồng ngoại được liệu tự động, kích thước khay sấy: 600×800 mm; số khay sấy: 12 khay/lò; số bóng hồng ngoại: 65 bóng/lò; bước sóng sấy hồng ngoại: $\lambda=2 \div 12 \mu\text{m}$.</p> <p>3.6. 01 máy nghiền nguyên liệu, năng suất: 50-300 kg/h; cỡ hạt nghiền rây: 12-120 mesh.</p> <p>3.7. 01 máy sửa sợi, đường kính hạt tạo ra: Φ 0,8-2,5 mm; năng suất: 60-200 kg/h.</p> <p>3.8. 03 máy đóng gói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy đóng gói trà tan tự động 5-7 gr, năng suất đóng gói: 28-50 gói/phút. - Máy đóng gói trà túi lọc tự động 2-5 gr, năng suất đóng gói 30-60 gói/phút. - Máy đóng gói túi dạng bột tự động 250/500 g, năng suất đóng gói: 20-60 gói/phút. <p>3.9. 01 hệ thống thiết bị phụ trợ: nồi hơi, lò đốt, van hơi, cân định lượng, máy thí nghiệm, ...</p> <p>4. Mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình trồng Táo mèo và Chùm ngây với diện tích: 05 ha Táo mèo và 01 ha Chùm ngây. - 01 mô hình chế biến với việc ứng dụng công nghệ và dây chuyền thiết bị nêu trên, năng suất cho từng chủng loại sản phẩm như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trà hòa tan Táo mèo: 30.000 gói/ngày (7gr/gói); + Trà túi lọc Táo mèo: 30.000 gói/ngày (2.5 gr/gói); + Bột dinh dưỡng Chùm ngây: 350 gói/ngày (250-500 gr/gói). 		

TT	Tên nhiệm vụ	Địa chỉ hướng dẫn mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức, Thời gian thực hiện	Cơ quan đặt hàng
			<p>5. Số lượng sản phẩm sản xuất thử nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trà hoà tan Táo mèo: 5000 hộp (hộp 24 gói, 7gr/gói). - Trà túi lọc Táo mèo: 5000 hộp (hộp 24 gói, 2.5 gr/gói) - Bột dinh dưỡng Chùm ngây: 1000 gói (250-500 gr/gói) <p>03 loại sản phẩm cụ thể nêu trên đạt một số chỉ tiêu chất lượng cơ bản theo tiêu chuẩn xuất khẩu sang nước mà dự án dự kiến xuất khẩu.</p> <p>6. Khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo đội ngũ vận hành được dây chuyền thiết bị sản xuất Trà và bột dinh dưỡng từ Táo mèo và Chùm ngây. - Báo cáo về tính khả thi, cam kết cùng minh chứng của doanh nghiệp trong việc xử lý, sử dụng dây chuyền thiết bị và công nghệ xuất khẩu sản phẩm. - Tập huấn được 100 - 200 lượt nông dân về kỹ thuật trồng trọt Táo mèo và Chùm ngây. - Công bố 2 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước. 		

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức, Thời gian thực hiện	Cơ quan đặt hàng
2.	<p>Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia:</p> <p>Xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững theo lĩnh vực và theo lãnh thổ vùng Tây Bắc.</p>	<p>1. Xác định luận cứ khoa học và thực tiễn cho xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững theo lĩnh vực và theo lãnh thổ.</p> <p>2. Xây dựng được bộ chỉ tiêu phát triển bền vững theo lĩnh vực và theo lãnh thổ vùng Tây Bắc.</p> <p>3. Đánh giá được thực trạng và đề xuất các giải pháp giám sát, quản lý quá trình phát triển (theo lĩnh vực và theo lãnh thổ) hướng tới bền vững vùng Tây Bắc.</p>	<p>Yêu cầu đối với kết quả</p> <p>1. Kết quả khoa học và công nghệ chính:</p> <p>1.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững theo lĩnh vực và theo lãnh thổ vùng Tây Bắc.</p> <p>1.2. Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường theo lĩnh vực và theo lãnh thổ vùng Tây Bắc.</p> <p>1.3. Kết quả tính toán và đánh giá thực trạng phát triển vùng Tây Bắc theo bộ tiêu chí phát triển bền vững đã được xây dựng.</p> <p>1.4. Các giải pháp giám sát, quản lý quá trình phát triển (theo lĩnh vực và theo lãnh thổ) hướng tới bền vững vùng Tây Bắc.</p> <p>1.5. Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá và quản lý phát triển bền vững vùng Tây Bắc được kế thừa các cơ sở dữ liệu hiện có và phát triển đáp ứng nhiệm vụ đề tài.</p> <p>2. Các ấn phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bài báo tạp chí quốc tế ISI/Scopus. - 05 bài báo trong các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học trong nước. <p>3. Đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo 03 thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh. 	<p>Tuyển chọn</p> <p>Thời gian thực hiện không quá 24 tháng</p>	Ban Chỉ đạo Tây Bắc

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức, Thời gian thực hiện	Cơ quan đặt hàng
3.	<p>Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia:</p> <p>Nghiên cứu công nghệ sản xuất tre ép khối làm vật liệu xây dựng và nội thất tại vùng Tây Bắc.</p> <p>3. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất tre ép khối đáp ứng yêu cầu làm vật liệu xây dựng, nội thất thân thiện môi trường.</p> <p>4. Xây dựng được 01 mô hình dây chuyền công nghệ sản xuất tre ép khối quy mô 1500 m³/năm tại Tây Bắc.</p>	<p>1. Đánh giá được khả năng sử dụng nguyên liệu tre sẵn có tại Tây Bắc để sản xuất tre ép khối.</p> <p>2. Tạo được vật liệu mới thân thiện môi trường từ tre, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng nhà truyền thống và nội thất tại vùng Tây Bắc.</p> <p>3. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất tre ép khối đáp ứng yêu cầu làm vật liệu xây dựng, nội thất thân thiện môi trường.</p> <p>4. Xây dựng được 01 mô hình dây chuyền công nghệ sản xuất tre ép khối quy mô 1500 m³/năm tại Tây Bắc.</p>	<p>Yêu cầu đối với kết quả</p> <p>1. Kết quả khoa học và công nghệ chính:</p> <p>1.1. Báo cáo phân tích, đánh giá chủng loại nguyên liệu tre phù hợp sản xuất tre ép khối.</p> <p>1.2. 01 quy trình xử lý nguyên liệu tre đạt yêu cầu nguyên liệu sản xuất tre ép khối.</p> <p>1.3. 01 quy trình công nghệ sản xuất tre ép khối làm vật liệu xây dựng nhà truyền thống thân thiện môi trường.</p> <p>1.4. 01 quy trình công nghệ sản xuất tre ép khối làm vật liệu nội thất thân thiện môi trường.</p> <p>1.5. 01 mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất tre ép khối quy mô 1500 m³ sản phẩm/năm tại Tây Bắc. Chất lượng sản phẩm tương đương các loại gỗ nhóm III trong bảng phân loại gỗ chịu lực trong ngành xây dựng và giao thông vận tải, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 1072:1971.</p> <p>1.6. 50 m³ khối tre ép khối có các đặc tính cơ lí tương đương gỗ nhóm III dùng trong xây dựng và giao thông vận tải, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 1072:1971. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng thể tích: 620-720 kg/m³; - Độ ẩm: 8-10%; - Độ bền uốn tĩnh - MoR: 90,0-107,9 MPa; - Nén dọc: 44,0-52,4 MPa; - Kéo dọc: 97,0-116,4 MPa; - Cắt dọc: 8,5-10,4 MPa. <p>- Độ bền sinh học phòng chống côn trùng, nấm gây hại: đạt cấp độ bền sinh học nhóm III – Thời gian sử dụng gỗ trong điều kiện nhiệt đới đạt tới 10 năm (theo Bảng phân nhóm độ bền tự nhiên gỗ của IUFRO).</p>	<p>Tuyển chọn</p> <p>Thời gian thực hiện không quá 24 tháng</p>	<p>UBND tỉnh Lai Châu</p>



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức, Thời gian thực hiện	Cơ quan đặt hàng
			<p>1.7. Xây dựng 01 mô hình nhà sàn truyền thống cho đồng bào vùng Tây Bắc sử dụng vật liệu tre ép khối làm khung nhà, sàn nhà; diện tích sàn nhà: 35 m².</p> <p>2. Các ấn phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 bài báo trong các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI/Scopus. <p>3. Đào tạo: Đào tạo 02 thạc sĩ.</p>		

Ấn định danh sách gồm 03 nhiệm vụ./.

